

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
Số: 12/1999/QĐ-BGDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp tiểu học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 90/CP ngày 24/11/1993 của Chính phủ quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng chứng chỉ về giáo dục và đào tạo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tiểu học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế thi tốt nghiệp tiểu học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 3857/GD-ĐT ngày 14/12/1994 và Quyết định số 1600/GD-ĐT ngày 19/4/1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương), Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục - Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

QUY CHẾ THI TỐT NGHIỆP TIỂU HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/1999/QĐ-BGDĐT
ngày 15/3/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1.Thi tốt nghiệp tiểu học nhằm thực hiện đánh giá một cách khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, kết quả đào tạo của các trường tiểu học theo mục tiêu và kế hoạch giáo dục tiểu học, góp phần thúc đẩy việc nâng cao chất lượng học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên.

Điều 2.Kết quả thi tốt nghiệp tiểu học là căn cứ để cấp bằng tốt nghiệp tiểu học và xét tuyển vào lớp 6 Trung học cơ sở.

Chương II

ĐIỀU KIỆN DỰ THI

Điều 3.Những đối tượng sau được dự thi tốt nghiệp tiểu học:

1.Học sinh lớp 5 học hết chương trình tiểu học ở mọi loại hình trường, lớp tiểu học.

2.Thí sinh tự do: bao gồm học sinh thi lại và học sinh học hết chương trình tiểu học ở các lớp học gia đình.

Hồ sơ của thí sinh tự do phải gửi đến trường đăng kí dự thi trước ngày thi 30 ngày. Hồ sơ gồm:

a)Đơn xin dự thi có xác nhận của UBND xã (phường, thị trấn).

Học sinh đã bị xử lý kỉ luật về thi tốt nghiệp tiểu học muốn dự thi phải được UBND xã (phường, thị trấn) xem xét và đề nghị Phòng GD-ĐT cho phép;

b)Giấy xác nhận học hết chương trình tiểu học của Hiệu trưởng trường tiểu học (đối với học sinh học ở lớp học gia đình)

Học sinh thi lại phải có học bạ chính;

c)Giấy khai sinh hợp lệ và tính đến năm dự thi có tuổi dưới 15;

Học sinh từ 15 tuổi trở lên muốn dự thi phải được Phòng Giáo dục - Đào tạo đưa vào danh sách đề nghị Sở Giáo dục - Đào tạo cho phép.

Điều 4.Giáo viên phụ trách lớp chịu trách nhiệm hoàn thành việc đánh giá xếp loại, ghi học bạ và lập hồ sơ riêng cho từng học sinh lớp mình trước ngày thi 10 ngày.

Điều 5.Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm lập hồ sơ của học sinh đang học và thí sinh tự do để xuất trình với Hội đồng coi thi.

Hồ sơ của thí sinh dự thi phải đầy đủ, chính xác. Học sinh có hồ sơ đặc biệt (hồi hương, Việt kiều, di dân...) hoặc không đúng với quy định chung phải được Phòng Giáo dục - Đào tạo xem xét và quyết định bằng văn bản cho dự thi.

Chương III

ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP

Điều 6.Những đối tượng sau được công nhận tốt nghiệp tiểu học:

1. Học sinh học lớp 5 cuối năm đạt danh hiệu Học sinh xuất sắc.

2. Học sinh thi tốt nghiệp tiểu học đạt một trong hai điều kiện sau:

a) Điểm trung bình cộng các môn thi đạt 5,0 trở lên, không có môn thi nào điểm dưới 2,0.

b) Điểm trung bình cộng các môn thi đạt từ 4,5 đến 4,9, không có môn thi nào điểm dưới 2,0; xếp loại học lực chung các môn ở lớp 5 từ Khá trở lên.

3. Học sinh diện ưu tiên:

a) Con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh mất sức lao động từ 81 % trở lên, con của người được hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81 % trở lên.

b) Học sinh dân tộc ít người;

c) Học sinh học tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... (theo quy định của UBND tỉnh);

Thi tốt nghiệp tiểu học đạt điểm trung bình cộng các môn thi không dưới 4, không có môn thi nào điểm dưới 2,0; xếp loại học lực chung các môn ở lớp 5 từ Trung bình trở lên.

Điều 7. Những đối tượng sau được xét đặc cách tốt nghiệp tiểu học:

1. a) Học sinh bị ốm không thể tham dự kì thi, có giấy chứng nhận của cơ quan y tế từ cấp xã, phường trở lên cấp;

b) Học sinh đang trên đường đến phòng thi mà bị sự cố bất ngờ như tai nạn xe cộ, bão lụt, hỏa hoạn, dịch họa, cảm nặng không thể đến dự thi;

c) Học sinh có người thân trong gia đình (bố, mẹ, anh, chị, em ruột) mất trong ngày thi, có đơn của gia đình xin phép không đến thi;

d) Học sinh cùng gia đình đi vùng kinh tế mới theo kế hoạch của địa phương vào trước ngày thi không quá 10 ngày.

Những học sinh này phải có giấy xác nhận và đề nghị của nhà trường do Hiệu trưởng kí được xếp loại cả năm về hạnh kiểm từ Khá tốt trở lên, về học lực chung các môn ở lớp 5 từ Trung bình trở lên.

2. Học sinh bị ốm hoặc có sự cố đột xuất xảy ra trong lúc đang thi, không thể tiếp tục thi được nữa, phải có xác nhận của Hội đồng coi thi và cán bộ y tế phục vụ kì thi, đạt đủ điều kiện xếp loại cả năm về hạnh kiểm từ Khá tốt trở lên và học lực chung các môn ở lớp 5 từ Trung bình trở lên. Nếu học sinh đã thi xong môn nào thì điểm bài thi môn đó phải đạt từ 5,0 trở lên.

Điều 8. Ngoài các quy định chung về thi tốt nghiệp tiểu học trong Quy chế này Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định riêng đối với những học sinh theo học các chương trình thí điểm của Bộ về tiếng nước ngoài.

Điều 9. Học sinh tốt nghiệp tiểu học được xếp thành 3 loại:

1. Loại Giỏi: Thuộc một trong hai diện sau:

a) Học sinh học lớp 5 cuối năm đạt danh hiệu Học sinh xuất sắc.

b) Điểm trung bình cộng các môn thi đạt từ 9,0 trở lên, không có môn thi nào điểm dưới 8, xếp loại học lực chung các môn ở lớp 5 từ Khá trở lên

2. Loại Khá: Điểm trung bình cộng các môn thi đạt từ 7,0 đến 8,9; không có môn thi nào điểm dưới 6, xếp loại học lực chung các môn ở lớp 5 từ Trung bình trở lên.

3. Loại Trung bình: Những học sinh còn lại.

Những học sinh được xét đặc cách tốt nghiệp không xếp loại và được ghi rõ trong Bảng tốt nghiệp tiểu học.

Điều 10. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Học sinh có quyền khiếu nại về kết quả bài thi. Học sinh xin khiếu nại phải có đơn gửi đến nơi dự thi chậm nhất là 10 ngày sau khi công bố kết quả thi tốt nghiệp tiểu học.

2. Hội đồng phúc khảo được thành lập theo đơn vị huyện (quận) và làm việc theo nguyên tắc như Hội đồng chấm thi. Hội đồng phúc khảo có nhiệm vụ:

a) Tổ chức chấm lại bài thi.

b) Đối chiếu điểm chấm lại với điểm chấm lần đầu, nếu có thay đổi (tăng hoặc giảm) từ 1 điểm trở lên thì được điều chỉnh điểm chấm lần đầu.

c) Thông báo công khai danh sách học sinh được chấm lại bài thi, kết quả chấm lại và danh sách tốt nghiệp bổ sung.

Các đơn khiếu nại khác có liên quan đến kì thi do Phòng Giáo dục - Đào tạo xem xét giải quyết. Trường hợp Phòng Giáo dục - Đào tạo không đủ thẩm quyền giải quyết thì chuyển Sở Giáo dục - Đào tạo giải quyết.

Chương IV

CHƯƠNG TRÌNH THI, MÔN THI, NGÀY THI VÀ ĐỀ THI

Điều 11.

1. Chương trình thi là chương trình tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Học sinh học chương trình nào thi theo chương trình đó, trọng tâm là chương trình lớp cuối bậc tiểu học.

2. Môn thi: Tiếng Việt và Toán.

Thời gian làm bài (không kể thời gian chép đề) cho mỗi môn thi là 90 phút.

3. Ngày thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ấn định hằng năm và được quy định trong biên chế năm học.

4. Hội đồng ra đề thi

Sở Giáo dục - Đào tạo đề nghị UBND tỉnh (thành phố) ra quyết định thành lập Hội đồng ra đề thi. Thành phần Hội đồng ra đề thi bao gồm:

Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo

Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Phòng Tiểu học

Thư ký Hội đồng: Cán bộ Phòng Tiểu học

Các Ủy viên: mỗi môn một hoặc hai cán bộ chuyên môn của Phòng Tiểu học có năng lực chuyên môn giỏi, phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao.

Cán bộ in ấn đề.

Hội đồng ra đề thi có nhiệm vụ ra đề thi (chính thức và dự bị) và làm hướng dẫn chấm; tổ chức in ấn, đóng gói, niêm phong, bảo quản, phân phối đề thi.

Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo toàn bộ công tác làm đề thi, xét duyệt, quyết định chọn các bộ đề thi.

Các ủy viên chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng về tính chính xác, tính khoa học, tính sự phạm và tính bí mật của đề thi.

Các thành viên trong Hội đồng ra đề thi là những người không có con, em ruột, cháu ruột (con của anh em ruột, con của con trai, con gái) dự kì thi năm đó.

5. Ra đề thi

Đề thi ra cho từng loại chương trình thực hiện trong phạm vi địa phương. Đề thi phải phù hợp với thực tế, phù hợp với yêu cầu trung bình của chương trình, đảm bảo yêu cầu cơ bản về kiến thức và kĩ năng của môn học.

Việc làm đề thi phải đảm bảo tuyệt đối bí mật, chính xác, nghiêm túc, an toàn trong mọi khâu (chuẩn bị ra đề, in ấn, bảo quản, phân phối, vận chuyển...). Đề thi được in riêng, không cùng tờ giấy thi của học sinh.

Nội dung của hướng dẫn chấm phải rõ ràng, cụ thể từng mức độ; biểu điểm đánh giá đúng trình độ học lực của học sinh. Điểm toàn bài được làm tròn đến 0,5 điểm.

6. In ấn đề thi và hướng dẫn chấm

Đề thi và hướng dẫn chấm sau khi được Chủ tịch Hội đồng ra đề thi ký duyệt, phải được in thử. Sau khi đọc, soát kỹ bản in thử 3 lần thì tiến hành in chính thức và chỉ in đủ số lượng quy định. Việc in ấn phải làm xong từng đề. Các bản có liên quan đến đề thi như giấy nắn, tờ in hồng, tờ in thừa,... phải được niêm phong bảo quản trong hòm, tủ, không được đốt hủy.

7. Vào bì và niêm phong đề thi

Đề thi từng môn, hướng dẫn chấm từng môn phải được vào bì và niêm phong riêng theo quy định của Hội đồng ra đề thi sao cho đảm bảo được nguyên tắc an toàn và bí mật.

8. Phân phối, giao nhận đề thi

Sở Giáo dục - Đào tạo sử dụng phương tiện riêng có công an bảo vệ đưa đề thi chính thức và đề thi dự bị tới từng Phòng Giáo dục - Đào tạo. Các Hội đồng coi thi nhận đề thi chính thức tại Phòng Giáo dục - Đào